TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-5-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị O
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc S
Ông Trần Văn Th
Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2019/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Quang H (tức Đỗ Quang H), sinh năm 1974 (có mặt)
Nơi cư trú: thôn Đ (nay là thôn Đ), xã N, huyện T, tỉnh B.
* *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Kim L (tức Đỗ Thị L), sinh năm 1975
Nơi cư trú cuối cùng: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Quang H trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị Kim L kết hôn tháng 5 năm 2000, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị L về làm dâu nhà anh H, vợ chồng anh chung sống với nhau được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2001 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Ng ở được mấy tháng, chị L bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì, chị L không có mặt tại địa phương nhiều năm nay. Năm 2019 anh đã làm đơn yêu cầu tuyên bố chị L mất tích và Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B tuyên bố

chị L mất tích kể từ ngày 16/10/2019. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2001 cho đến nay, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 06/4/2001, hiện cháu H đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh H giữ nguyên yêu cầu.

Tại biên các bản làm việc, biên bản xác minh với chính quyền địa phương và bà Đinh Thị Ch là mẹ đẻ của chị L đều xác nhận: chị L kết hôn với anh H, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Chị L về chung sống với anh H được một thời gian. Sau khi chị L sinh con thì chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã Ng sống thời gian chị L bỏ đi. Chị L đã vắng mặt tại địa phương nhiều năm nay và cũng không có tin tức gì của chị L. Để đảm bảo quyền lợi của anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị L.

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị Đỗ Thị Kim L gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 433/TB-TLVA ngày 31/12/2019 và bản phô tô đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ số 01/TB-TA ngày 31/12/2019; Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ số 02/TB-TA ngày 11/02/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 11/02/2020; Thông báo kết quả phiên họp và hòa giải số 01/TB-TA ngày 28/02/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA ngày 28/02/2020; Thông báo kết quả phiên họp và hòa giải số 02/TB-TA ngày 18/3/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020.

Tòa án đã mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, án phí nhưng chị L không có mặt để tham gia hòa giải. Tại phiên toà chị L vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Nguyễn Quang H được ly hôn chị Đỗ Thị Kim L. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L, có nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã Ng, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, chị Liên vắng mặt nhưng chị L đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị L kết hôn tháng 5 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2001, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để ở thôn T, xã N sinh sống. Sau đó chị L bỏ nhà đi từ đó cho đến nay không có tin tức gì. Vợ chồng anh H, chị L đã không cùng nhau chung sống 19 năm. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 05/2019/QĐST- VDS ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã tuyên bố chị L mất tích. Hội đồng xét xử thấy, anh H và chị L có thời gian dài không cùng nhau chung sống, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau và không có tin tức gì của chị L mặc dù đã được thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay chị L không có mặt tại địa phương. Xác định tình cảm vợ chồng anh H, chị L không còn chung sống, đoàn tụ được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đỗ Thị H, sinh ngày 06/4/2001. Cháu H đã trưởng thành anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Quang H (tức Đỗ Văn H) được ly hôn chị Đỗ Thị Kim L (tức Đỗ Thị L).

2. Về án phí: anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006147 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận anh Nguyễn Quang H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị O